TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số 18/2023/HNGĐ - ST
Ngày 11/5/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Đức
2. Bà Vũ Thị Lệ Thuỷ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 H, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35A/2023/QĐST – HPT ngày 13.4.2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Võ S, sinh năm 1986. Nơi cư trú: K267/6 N, tổ 32 M, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* bà Trương Thị X, sinh năm 1988. Nơi cư trú: phòng 506 chung cư 12T4 T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà Trương Thị X tự nguyện kết hôn vào năm

2011, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận S, TP. Đà Nẵng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Trương Thị X thường xuyên cờ bạc, cãi vã nhau. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm tôi xác định không còn thương yêu bà Trương Thị X nữa nên tôi xin Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trương Thị X.

- Về con chung: tôi và bà Trương Thị X có 01 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 17.02.2012. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Thành N và tôi không yêu cầu bà Trương Thị X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

* Bị đơn là bà Trương Thị X đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của bà trong hồ sơ vụ án; bà cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là ông Võ S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là bà Trương Thị X liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của ông Võ S đối với bà Trương Thị X.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con Võ Thành N, sinh ngày 17.02.2012 cho ông Võ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Võ Thành N đủ 18 tuổi. Do ông Võ S không yêu cầu bà Trương Thị X cấp dưỡng nuôi con Võ Thành N nên bà Trương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Võ S xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, bà Trương Thị X lại vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của ông Võ S đối với bà Trương Thị X là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Trương Thị X vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ S và bà Trương Thị X tự nguyện kết hôn năm 2011, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận S, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 99/2011, quyển số 01/2010, do Uỷ ban nhân dân phường M, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 21.9.2011. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Võ S, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Trương Thị X vắng mặt, không thu thập được lời khai của bà, nhưng qua lời trình bày của ông Võ S và qua xác minh thì được biết sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau tại tổ 32 phường M. Trong thời gian chung sống với nhau giữa 2 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vả ồn ào. Vì vậy, ông bà đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải nhưng bà Trương Thị X thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ bà Trương Thị X không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ S là phù hợp.

[3] Về con chung: ông Võ S và bà Trương Thị X có 01 con chung là: Võ Thành N, sinh ngày 17.02.2012. Ly hôn, ông Võ S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Võ Thành N cho đến khi con Võ Thành N đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của ông Võ S về việc nuôi con thì thấy, trong thời gian ông bà sống ly thân, ông Võ S là người trực tiếp nuôi con; cháu Võ Thành N được ông Võ S chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải, trong đó có hòa giải về trách nhiệm nuôi con chung nhưng bà Trương Thị X thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ bà cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Mặt khác, cháu Võ Thành N còn nhỏ, rất cần có một cuộc sống ổn định, do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, tránh làm tổn thương và xáo trộn cuộc

sống của cháu, HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Võ Thành N cho ông Võ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Võ Thành N đủ 18 tuổi.

Ông Võ S không yêu cầu bà Trương Thị X cấp dưỡng nuôi con Võ Thành N nên bà Trương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Võ S xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, bà Trương Thị X lại vắng mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì ông Võ S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ S đã nộp tại biên lai thu số 0006670 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ S đối với bà Trương Thị X.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Võ S được ly hôn với bà Trương Thị X (giấy chứng nhận kết hôn số 99/2011, quyển số 01/2010, do Uỷ ban nhân dân phường M, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 21.9.2011).

2. Về con chung: Giao con chung Võ Thành N, sinh ngày 17.02.2012 cho ông Võ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Võ Thành N đủ 18 tuổi. Bà Trương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: ông Võ S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ S đã nộp tại biên lai thu số 0006670 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát q. S*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *UBND phường M,*
  quận S, TP. Đà Nẵng;
- *Lưu hồ sơ*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**